

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 509 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 07 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Hợp
thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân công, phân cấp về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 502/SXD-QHKT ngày 05/02/2024 về việc thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Quỳnh Hợp.

3. Phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn lập quy hoạch:

3.1. Phạm vi ranh giới: Gồm toàn bộ diện tích thuộc ranh giới hành chính huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: Huyện Quỳnh Châu;
- Phía Nam giáp: Huyện Tân Kỳ và Anh Sơn;

- Phía Đông giáp: Huyện Nghĩa Đàn;
 - Phía Tây giáp: Huyện Con Cuông.
- 3.2. Diện tích lập quy hoạch: 93.974,59 ha (939,7459km²).

3.3. Thời hạn lập quy hoạch:

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2030;
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2050.

4. Quan điểm, mục tiêu, tính chất chức năng và nhiệm vụ của đồ án:

4.1. Quan điểm:

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Hợp được lập nhằm định hướng phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tỉnh; đảm bảo kết nối đồng bộ với các địa phương lân cận như Quỳnh Phong, Quỳnh Châu, Nghĩa Đàn, Thái Hòa, Anh Sơn, Con Cuông và Tân Kỳ; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn; tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quỳnh Hợp nhằm tổ chức không gian đô thị, nông thôn và các khu chức năng để góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng an ninh vững chắc.

4.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể hóa định hướng phát triển huyện Quỳnh Hợp tại Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Quỳnh Hợp nhiệm kỳ 2020-2025.

- Phát huy vị thế và sức mạnh tổng hợp của huyện trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với định hướng bền vững, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội và ngoại vùng. Trong đó tập trung các thế mạnh về: công nghiệp, chế biến khoáng sản; dịch vụ du lịch trải nghiệm văn hóa, cộng đồng, sinh thái; nông lâm nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực. Đồng thời, bảo vệ môi trường thích ứng và chống chịu biến đổi khí hậu. Giữ gìn di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và phát triển bản sắc văn hóa địa phương.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Quỳnh Hợp đạt chuẩn nông thôn mới.

4.3. Nhiệm vụ:

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý, địa hình, khí hậu thủy văn, tài nguyên đất đai, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước,...); thực trạng kinh tế - xã hội; hiện trạng phân bố đô thị và nông thôn; hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật vùng (gồm: đánh giá hiện trạng giao thông (đội nội, đội ngoại), chuẩn bị kỹ thuật, hiện trạng thoát

nước mưa, hiện trạng cấp nước, hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR, hiện trạng cấp điện và thông tin liên lạc, hiện trạng môi trường; hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng); hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch; đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Đề xuất phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung và các khu chức năng trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Quỳnh Hợp về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch và dịch vụ thúc đẩy phát triển đa dạng ngành kinh tế.

- Đề xuất cấu trúc không gian vùng huyện với các trục liên kết hệ thống đô thị, trung tâm cụm xã, hệ thống điểm dân cư nông thôn, gắn kết với các trung tâm kinh tế huyện và khu vực; phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, du lịch - dịch vụ, hệ thống hạ tầng xã hội, các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phát triển bền vững đô thị và nông thôn; bổ sung và khớp nối các dự án đã và đang thực hiện trên phạm vi địa bàn.

- Đối với khu vực nông thôn: đảm bảo thực hiện những quan điểm chủ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu các mô hình đặc trưng cho khu vực nông thôn huyện Quỳnh Hợp.

5. Tính chất, chức năng:

- Là vùng kinh tế tổng hợp của tỉnh, nằm trên trục phát triển kinh tế trọng điểm Hoàng Mai - Nghĩa Đàn - Thái Hòa - Quỳnh Hợp.

- Là trung tâm công nghiệp khai khoáng lớn của tỉnh, cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến khoáng sản của tỉnh.

- Là khu vực kinh tế năng động, có tiềm năng phát triển thương mại dịch vụ và nông lâm nghiệp thủy sản gắn với du lịch dịch vụ hồ Bản Mòng.

6. Các chỉ tiêu chính dự kiến của đồ án:

6.1. Quy mô dân số:

- Quy mô dân số hiện trạng: 138.413 người.

- Dự báo quy mô dân số:

+ Đến năm 2030: dự kiến khoảng 150.100 - 160.000 người;

+ Đến năm 2050: dự kiến khoảng 190.000 - 200.000 người.

6.2. Tỷ lệ đô thị hóa:

- Hiện trạng: khoảng 14 - 15%.

- Đến năm 2030: dự kiến khoảng 18 - 19%.

- Đến năm 2050: dự kiến khoảng 22 - 24%.

6.3. Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Quy mô đất xây dựng đô thị hiện trạng: 1.203,6 ha (đã được công nhận là đô thị gồm thị trấn Quỳnh Hợp 730,3 ha và Đô thị Sông Dinh 473,3 ha).

- Đến năm 2030: đất xây dựng đô thị dự kiến tăng khoảng 1.500 - 1.600 ha.

6.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản áp dụng:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các

khu vực thị trấn Quỳnh Hợp; khu vực đô thị Sông Dinh và khu vực trung tâm cụm xã thuộc huyện Quỳnh Hợp theo tiêu chí đô thị loại V; đối với các khu dân cư nông thôn đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới do Chính phủ ban hành.

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được lấy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH về phân loại đô thị, các chỉ tiêu cơ bản chủ yếu như sau:

TT	Hạng mục chỉ tiêu	Đơn vị	QH đến năm 2030	QH đến năm 2050
I	Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội			
1	- Diện tích sàn nhà ở bình quân (sàn/người)	m ²	≥ 29	26,5
2	- Đất dân dụng	m ² /người	78	61
II	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về đô thị			
1	Giao thông			
	- Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 18	≥ 18
	- Mật độ đường giao thông	Km/km ²	6 - 10	≥ 10
	- Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	5 - 13	≥ 7
2	Cấp nước			
	- Cấp nước sinh hoạt (Q _{sh})	lít/ng/ngày	120 - 130	≥ 130
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch	% dân số	90 - 100	100
3	Cấp điện			
	- Cấp điện sinh hoạt	w/ng	250	≥ 350
	- Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30
	- Điện công nghiệp	Kw/ha	50 - 350	
4	Thu gom nước thải và VSMT			
	- Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	90	≥ 90
	- Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp	%	100	100
	- Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	≥ 97	100
	- Lượng chất thải phát sinh	Kg/ng/ngày	1	≥ 1,3
III	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về nông thôn			
1	Giao thông			

TT	Hạng mục chỉ tiêu	Đơn vị	QH đến năm 2030	QH đến năm 2050
	- Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 16	≥ 16
	- Mật độ đường giao thông	Km/km ²	6 - 8	≥ 8
	- Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	5 - 7	≥ 7
2	Cấp nước			
	- Cấp nước sinh hoạt (Q _{sh})	lít/ng/ngày	100	≥ 100
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch	% dân số	90	100
3	Cấp điện			
	- Cấp điện sinh hoạt	w/ng	250	≥ 330
	- Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30
	- Điện công nghiệp	Kw/ha	50 - 350	
4	Thu gom nước thải và VSMT			
	- Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	80	≥ 85
	- Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp	%	100	100
	- Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	≥ 80	100
	- Lượng chất thải phát sinh	Kg/ng/ngày	0,8	≥ 1

Quá trình lập quy hoạch sẽ xác định cụ thể các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của khu vực.

7. Các yêu cầu trong quá trình lập đồ án quy hoạch:

7.1. Về tổ chức không gian vùng và các khu chức năng chủ yếu:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng.
- Xác định các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển.
- Phân bố và xác định quy mô các không gian phát triển: Công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, du lịch, thương mại dịch vụ, bảo tồn; xác định quy mô, tính chất các khu chức năng.

- Xác định mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị.

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng; khu du lịch, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên trong vùng.

7.2. Về định hướng phát triển không gian vùng:

a) *Phân vùng chức năng và tổ chức không gian vùng:* Việc phân vùng phát triển phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với điều kiện địa hình.
- Thuận lợi trong kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật.
- Phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và khu chức năng chính.
- Trong từng phân vùng phải lựa chọn các trọng tâm, chức năng chính làm động lực phát triển cho vùng như: Đô thị, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp....

Tùy điều kiện thực tế để phân vùng phát triển hợp lý. Số lượng các vùng phát triển sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch.

b) *Định hướng phát triển hệ thống đô thị nông thôn và các khu chức năng:*

- Định hướng phát triển đô thị: ngoài thị trấn huyện lỵ Quỳnh Hợp hiện có, hình thành thêm thị trấn Sông Dinh (trên cơ sở đô thị Sông Dinh) và định hướng trong mỗi phân vùng sẽ quy hoạch điểm dân cư tập trung làm trung tâm phát triển cho vùng, nhằm khai thác, phát huy các tiềm năng lợi thế của khu vực; đồng thời rà soát quy hoạch trên địa bàn huyện, các điểm dân cư tập trung có khả năng đô thị hóa, các đô thị mới có khả năng hình thành trên địa bàn huyện.

- Phát triển nông thôn theo hướng bảo tồn truyền thống, văn hóa, tạo mối liên kết hữu cơ với đô thị, phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa kết hợp thương mại dịch vụ, du lịch sinh thái giúp phát triển nông thôn mới; kết hợp với việc phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá thuần dân tộc Thổ, Thái; xây dựng hệ thống hạ tầng thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Khuyến khích cải tạo, bảo tồn các không gian ở, làng xóm truyền thống, tăng cường tiện ích công cộng, điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo tiêu chuẩn chung và đặc điểm của từng khu vực.

7.3. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

- Về giao thông:

+ Cập nhật, dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa, nghiên cứu các chiến lược vận tải của quy hoạch vùng tỉnh và khu vực để đề xuất chiến lược phát triển mạng lưới giao thông vùng huyện Quỳnh Hợp.

+ Đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông phù hợp với cấu trúc phát triển không gian vùng huyện Quỳnh Hợp, khai thác phù hợp các tác động trong tương lai của hệ thống quốc lộ 48, quốc lộ 48C, quốc lộ 48D, quốc lộ 48E, ĐT 531B, ĐT531C, ĐT532 và hệ thống đường huyện, xã đảm bảo sự kết nối phù hợp với các khu vực trên địa bàn huyện.

+ Xây dựng các trục hành lang, trục liên kết nhằm thúc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của vùng huyện. Nghiên cứu hệ thống giao thông chính của các đô thị định hướng; xem xét yêu cầu bảo vệ và sử dụng các tuyến đường đối ngoại đi qua huyện.

- Về chuẩn bị kỹ thuật:

+ Đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn, giữ được bản sắc địa hình mỗi vùng. Ưu tiên các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng từ những quỹ đất còn hoang hóa, hạn chế chuyển đổi, có các biện pháp bảo vệ đất nông nghiệp, đặc biệt các vùng, khu vực đất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch.

+ Đề xuất các giải pháp phòng tránh các tai biến tự nhiên, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, đê, đập, xây dựng hồ điều tiết lũ,... cung cấp nước cho sinh hoạt công nghiệp, nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phân lũ, thoát lũ trong vùng.

- Cấp nước:

+ Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị và trung tâm cụm xã.

+ Xác định rõ nguồn cấp nước cho phát triển đô thị và công nghiệp và các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, hồ đập thủy lợi, kiểm soát khai thác nguồn nước ngầm phục vụ sinh hoạt sản xuất.

- Cấp điện và thông tin liên lạc:

+ Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất,... lưới truyền tải và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Xác định nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất.

+ Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo, thân thiện môi trường như năng lượng mặt trời. Đề xuất cơ chế sử dụng, thu mua các nguồn năng lượng sạch. Xác định hành lang bảo vệ các tuyến đường truyền tải điện.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

+ Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

+ Nghiên cứu bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang cấp vùng huyện, phù hợp với định hướng quy hoạch cấp trên.

7.4. Đánh giá tác động môi trường chiến lược:

- Các nội dung yêu cầu nghiên cứu cần thực hiện theo mục g, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường.

8. Hồ sơ sản phẩm: Nội dung, hồ sơ đề án thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. Danh mục hồ sơ như sau:

8.1. Phần hồ sơ bản vẽ:

TT	Danh mục	Tỷ lệ
01	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng : Vị trí, ranh giới của vùng lập quy hoạch; các mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường trong quy hoạch tỉnh có ảnh hưởng tới vùng lập quy hoạch.	Thích hợp
02	Bản đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn.	1/25.000
03	Bản đồ phân vùng quản lý phát triển : Xác định các phân vùng để quản lý.	1/25.000
04	Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng: Xác định không gian phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn; khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; khu vực an ninh quốc phòng; khu vực phát triển trung tâm: hành chính, thương mại - dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, nghiên cứu, đào tạo, y tế từ cấp huyện trở lên; vị trí trung tâm cụm xã, trung tâm xã; khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác theo các giai đoạn quy hoạch.	1/25.000
05	Các bản đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật vùng: Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh và cấp huyện theo từng chuyên ngành gồm chuẩn bị kỹ thuật, giao thông (đến cấp đường liên xã), hệ thống điện, cấp nước, cung cấp năng lượng, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động.	1/25.000

8.2. Phần thuyết minh:

- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch, dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch và văn bản pháp lý có liên quan.

- Thuyết minh tóm tắt, thuyết minh tổng hợp kèm theo bản vẽ thu nhỏ trên khổ giấy A3.

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

- Thiết bị lưu trữ toàn bộ hồ sơ quy hoạch.

* Hồ sơ được thành lập gồm 07 bộ (trong đó có 1 bộ màu).

9. Tổ chức thực hiện:

9.1. Thời gian lập đề án quy hoạch: 12 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

9.2. Lấy ý kiến về quy hoạch: Chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn phối hợp với chính quyền địa phương lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan trong khu vực quy hoạch theo quy định hiện hành.

9.3. Thời gian thẩm định: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ quy hoạch trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

9.4. Công bố quy hoạch được duyệt: Đơn vị tổ chức lập quy hoạch phối hợp với Sở Xây dựng và các ban ngành, địa phương liên quan công bố quy hoạch sau khi đề án quy hoạch được phê duyệt..

9.5. Phân công trách nhiệm:

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Nghệ An;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Quỳnh Hợp.
- Cơ quan lập quy hoạch: Lựa chọn theo đúng quy định pháp luật.

Điều 2. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Hợp tổ chức triển khai thực hiện lập quy hoạch theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chất lượng, tiến độ thực hiện, tiết kiệm chi phí và đạt được hiệu quả đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký:

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Hợp; các tổ chức, cá nhân có liên quan và Chủ đầu tư đề án quy hoạch căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận: *HN*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVP CN, NN UBND tỉnh;
- Các phòng CN, NN, KT VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (Hùng).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh